

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI HÌNH DỊCH VỤ - QUẢNG CÁO TRÊN SÓNG TRUYỀN HÌNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 451/QĐ-PTTH ngày 16/12/2024 của Q. Giám đốc
Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh BR-VT có hiệu lực từ ngày 01/01/2025).

I. ĐƠN GIÁ

1. ĐƠN GIÁ PHÁT SÓNG QUẢNG CÁO (TVC):

ĐVT: 1.000 đồng

Ký Hiệu	Thời gian	Tên chương trình	Đơn giá / thời lượng QC				
			5"	10"	15"	20"	30"
A	Từ 06h30 đến trước 12h00 (Từ thứ 2 đến CN).						
A1	06h00 - 06h45	Trước hoặc sau chương trình Thời sự Ngày mới	3.000	5.000	6.000	8.000	12.000
A2	07h10 - 08h00	Trước hoặc sau phim Nước ngoài	3.000	5.000	6.000	8.000	12.000
A3	07h35 - 07h40	Giữa phim Nước ngoài	4.000	6.000	8.000	11.000	16.000
A4	08h00 - 09h50	Trước hoặc sau các chuyên mục, CT Giải trí	4.000	6.000	8.000	11.000	16.000
A5	09h55 - 10h50	Trước hoặc sau phim Việt Nam 10h00	5.000	7.000	9.000	14.000	18.000
A6	10h20 - 10h30	Giữa phim Việt Nam 10h00	6.000	8.000	11.000	16.000	22.000
A7	11h05 – 11h25	Trước hoặc sau các chuyên mục, CT Giải trí	5.000	7.000	9.000	14.000	18.000
A8	11h30 – 11h50	Trước hoặc sau TS 60+	6.000	8.000	11.000	16.000	22.000
B	Từ 12h00 đến trước 19h00 (Từ thứ 2 đến CN).						
B1	12h00 - 12h50	Trước hoặc sau phim Nước ngoài 12h00	7.000	9.000	12.000	17.000	24.000
B2	12h20 - 12h30	Giữa phim Nước ngoài 12h00	8.000	10.000	14.000	20.000	28.000
B3	13h15 – 14h00	Trước hoặc sau các CM, CT giải trí khác	6.000	8.000	11.000	16.000	22.000
B4	14h00 - 14h50	Trước hoặc sau phim Việt Nam 14h00	6.000	8.000	11.000	16.000	22.000
B5	14h20 - 14h30	Giữa phim Việt Nam 14h00	7.000	9.000	12.000	17.000	24.000

Ký Hiệu	Thời gian	Tên chương trình	Đơn giá / thời lượng QC				
			5"	10"	15"	20"	30"
B6	14h50 - 16h55	Trước hoặc sau các CM, CT giải trí khác	6.000	8.000	11.000	16.000	22.000
B7	16h55 - 17h50	Trước hoặc sau phim Nước ngoài 17h00	8.000	10.000	14.000	20.000	28.000
B8	17h20 - 17h30	Giữa phim Nước ngoài 17h00	10.000	12.000	16.000	24.000	32.000
B9	17h50 - 18h00	Trước hoặc sau các CT khác	10.000	12.000	16.000	24.000	32.000
B10	18h00 - 18h15	Trước hoặc sau Bản tin Trước ống kính và Bản tin thể thao	10.000	12.000	16.000	24.000	32.000
B11	18h15 - 18h25	Trước hoặc sau các Bản tin, Chuyên mục, CT giải trí....	10.000	12.000	16.000	24.000	32.000
B12	18h25 - 18h30	Trước thời sự BRT 18h30	11.500	13.500	18.000	26.000	35.000
V	Từ 19h45 đến trước 22h40 (Từ thứ 2 đến CN)						
V1	19h40 - 19h45	Sau TS.VTV	11.000	13.000	20.000	26.000	40.000
V2	19h48 - 19h58	Trước hoặc sau Sitcom hài	11.000	13.000	20.000	26.000	40.000
V3	19h50 - 19h55	Giữa Sitcom hài	12.000	17.000	24.000	34.000	48.000
V4	20h00-20h10	Trước hoặc sau Chương trình Hội nhập và Phát triển	11.000	13.000	20.000	26.000	40.000
V5	20h10 - 21h00	Trước hoặc sau phim Việt Nam, T.Show, G. Show	11.000	13.000	20.000	26.000	40.000
	20h00 - 22h00	THTT, Tiếp sóng ...					
V6	20h35 - 20h40	Giữa phim Việt Nam, T.Show, Game Show	12.000	17.000	24.000	34.000	48.000
	20h45 - 21h00	THTT, Tiếp sóng trực tiếp...					
V7	21h00 - 21h15	Trước hoặc sau các CT khác	11.000	13.000	20.000	26.000	40.000
V8	21h15 - 22h00	Trước hoặc sau phim Nước ngoài	11.000	13.000	20.000	26.000	40.000
V9	21h35 - 21h45	Giữa phim Nước ngoài (Thứ 2 - Thứ 7), CT Giải trí (Chủ nhật)	12.000	17.000	24.000	34.000	48.000
V10	22h00 - 22h15	Trước hoặc sau CT khác	11.000	13.000	20.000	26.000	40.000
KK	Từ 22h40 đến trước 05h00 (Từ thứ 2 đến CN).						
KK	22h40 - 05h00	Trước, giữa, sau phim khuya và các chương trình giải trí khác	5.000	7.000	9.000	11.000	14.000

Ghi chú:

- Giá trên đã bao gồm thuế GTGT.
- Chọn vị trí đặc biệt: cộng thêm **05%** trên đơn giá thời lượng phát sóng (giá trị này không được giảm giá).
- Các TVC quảng cáo được tính theo mức chuẩn: 05 giây, 10 giây, 15 giây, 20 giây, 30 giây, 35 giây (30+5), 40 giây (30+10)...
- Các TVC quảng cáo có thời lượng cao hơn mức chuẩn sẽ được tính theo giá của mức chuẩn có thời lượng kế tiếp.
- Thời gian quảng cáo theo mã giờ khách hàng đăng ký có thể dao động trong khoảng thời gian từ 03 đến 05 phút.
- Các chương trình xã hội hóa, hỗ trợ tuyên truyền, tài trợ, hợp tác, trao đổi khoán thời lượng, cung cấp chương trình, sản phẩm mới và các trường hợp khác....do Giám đốc Đài thỏa thuận với khách hàng về mức giá theo từng hợp đồng cụ thể.
- Một số chương trình đặc biệt áp dụng theo giá thông báo riêng.
- Bảng giá có thể thay đổi trong quá trình thực hiện, bằng thông báo giá.

2. ĐƠN GIÁ PHÁT SÓNG THÔNG BÁO, RAO VẬT:**ĐVT: đồng/âm đọc**

1. Thông báo mang tính kinh doanh, quảng cáo (tuyển sinh, tuyển dụng, mời thầu, hội thảo, họp mặt, thông tin chuyển đổi trụ sở, mất giấy CNQSDĐ,...).		
- Buổi sáng (10h25 - 10h35)	01 chữ (hoặc số)	10.000
- Buổi chiều (16h55 - 17h00)	01 chữ (hoặc số)	10.000
- Buổi tối (18h00; 18h25 - 18h30)	01 chữ (hoặc số)	12.000
- Hình ảnh minh họa (chỉ tính 01 lần)	Hình tĩnh (file do khách hàng cung cấp)	300.000
2. Thông báo mang tính chất nhân đạo, xã hội (Nhấn tin, cáo phó, mất giấy tờ tùy thân, tìm người thân...)	Tối đa không quá 200 từ	300.000 đ/lần phát
	Tối đa không quá 01 trang A4	500.000 đ/lần phát
3. Cảm tạ	Tối đa không quá 200 từ	500.000 đ/lần phát
	Tối đa không quá 01 trang A4	700.000 đ/lần phát

- Đối với các khách hàng là các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trực tiếp ký hợp đồng phát sóng thông báo mang tính kinh doanh thì được hưởng tỷ lệ giảm giá như sau:

- + Giá trị hợp đồng từ 50 triệu – dưới 100 triệu đồng: tỷ lệ giảm giá 10 %.
- + Giá trị hợp đồng từ 100 triệu đồng trở lên: tỷ lệ giảm giá 15 %.

3. ĐƠN GIÁ PHÁT SÓNG TỰ GIỚI THIỆU: Là những chương trình có độ dài từ **02 phút** đến không quá **05 phút** giới thiệu sơ lược về hoạt động của doanh nghiệp; tính năng của sản phẩm, công nghệ, quy trình sản xuất ... của doanh nghiệp. Khung giờ phát sóng phải dựa vào khung chương trình cụ thể của Đài. Trường hợp đặc biệt, những mẫu Tự giới thiệu có thời lượng dưới 02 (hai) phút được xem là Tự giới thiệu thì phải có sự phê duyệt của Giám đốc Đài

ĐVT: đồng/ phút

STT	Thời gian	Đơn giá/01 phút
1	Buổi sáng (06h00 – 11h50)	2.500.000
2	Buổi trưa hoặc chiều (12h00 – 17h50)	3.000.000
3	Buổi tối (18h00 – 22h00)	8.000.000
4	Sau 22h00	2.000.000

- Đối với các khách hàng là các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trực tiếp ký hợp đồng phát sóng chương trình tự giới thiệu thì được hưởng tỷ lệ chiết khấu như sau:

- + Phát lần 2: 10% (mười phần trăm) trên đơn giá.
- + Phát lần 3: 20% (hai mươi phần trăm) trên đơn giá.
- + Phát lần 4: 30% (ba mươi phần trăm) trên đơn giá.
- + Phát từ lần 5 trở lên: 40% (bốn mươi phần trăm) trên đơn giá.

4. ĐƠN GIÁ KEY LOGO, POPUP, CHẠY CHỮ, PANEL, HÌNH GẠT:

ĐVT: đồng

Thời gian	Chương trình	05 giây	10 giây
Từ 06h45 đến trước 11h30	Trước; giữa; sau các chương trình giải trí hoặc phim	500.000	800.000
Từ 12h00 đến trước 18h30		1.000.000	1.500.000
Từ 19h45 đến 22h00		2.000.000	3.000.000

- **LOGO** là logo thương hiệu hoặc hình ảnh thương hiệu của đơn vị hoặc sản phẩm được thiết kế với diện tích quảng cáo = 1/8 chiều cao màn hình và có thời lượng 10 giây.

- **POPUP** là một dạng quảng cáo logo dưới chân màn hình có kích thước từ 1/8 đến 1/7 màn hình có nội dung và hình ảnh của đơn vị quảng cáo. Hình thức này chạy trực

tiếp trong chương trình, không phải gián đoạn, cắt cảnh, người xem có thể cùng lúc theo dõi diễn biến của chương trình truyền hình cũng như nội dung quảng cáo và có thời lượng 10 giây.

- **Chạy chữ:** là hình thức chạy nội dung thông điệp dưới chân màn hình khi chương trình đang phát sóng.

- **PANEL** là băng hình quảng cáo tín hiệu có thời lượng 5s (thường có nội dung là hình ảnh, thông tin và slogan của đơn vị quảng cáo) được áp dụng theo bảng giá quảng cáo TVC truyền hình.

- **HÌNH GẠT** là dạng quảng cáo băng hình có thời lượng 03-05 giây (thường không có phần lời mà chỉ có hình ảnh và nhạc hiệu) được tính bằng 01TVC 5s tại thời điểm phát sóng.

5. ĐƠN GIÁ PHÁT SÓNG TIN, PHÓNG SỰ, TRAILER,...:

ĐVT: đồng

STT	Tên chương trình	Thời điểm	TL	Đơn giá
1	Tin: khai trương, khởi công, họp báo, hội nghị,...(do đơn vị cung cấp file hoàn chỉnh không mang tính quảng cáo).	Bản tin TS.BRT	01 phút	6.000.000
2	Trailer, phóng sự, tư liệu, phim tài liệu (không mang tính quảng cáo; phục vụ chính trị hoặc cảnh báo xa vì sức khỏe của cộng đồng và lợi ích chung của XH; các ngành nghề kinh tế mang tính đặc thù của địa phương...)	07h00 - 18h30	01 phút	1.500.000
		19h45 - 22h30		2.000.000
3	Trailer, phóng sự, tư liệu, phim tài liệu (mang tính quảng cáo hoạt động sản xuất, kinh doanh...do đơn vị cung cấp sản phẩm hoàn chỉnh)	07h00 - 18h30	01 phút	2.500.000
		19h45 - 22h30		3.000.000

6. ĐƠN GIÁ TRUYỀN HÌNH TRỰC TIẾP, TIẾP SÓNG TRỰC TIẾP, THU PHÁT LẠI, LIVE STREAM:

ĐVT: đồng

THỜI GIAN PHÁT SÓNG	THỜI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH		
	Từ 30 - 60 phút	Trên 60 - 90 phút	Trên 90 - 120 phút
1. Truyền hình trực tiếp (chưa tính phí thuê xe màu và thuê bao đường truyền nếu có)			
Từ 07h00 - 11h30	30.000.000	50.000.000	70.000.000
Từ 12h00 - 18h30	50.000.000	70.000.000	90.000.000

Từ 19h00 - 22h30	100.000.000	150.000.000	180.000.000
2. Tiếp sóng trực tiếp (chưa tính phí thuê bao đường truyền nếu có)			
Từ 07h00 - 11h30	20.000.000	30.000.000	40.000.000
Từ 12h00 - 18h30	30.000.000	40.000.000	50.000.000
Từ 19h00 - 22h30	60.000.000	70.000.000	80.000.000
3. Thu phát lại			
Từ 07h00 - 11h30	10.000.000	15.000.000	20.000.000
Từ 12h00 - 18h30	15.000.000	20.000.000	25.000.000
Từ 19h00 - 22h30	30.000.000	40.000.000	50.000.000
4. Tọa đàm tư vấn tuyển sinh trực tiếp, khuyến nông			
THỜI GIAN PHÁT SÓNG	THỜI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH		
	Từ 30 - 60 phút	Trên 60 - 90 phút	Trên 90 - 120 phút
Từ 07h00 - 11h30	15.000.000	25.000.000	chưa tính phí thuê xe màu và thuê bao đường truyền nếu có
Từ 12h00 - 17h00	20.000.000	30.000.000	
5. Đơn giá live stream (chưa tính phí thuê xe màu và thuê bao đường truyền nếu có)			
Từ 07h00 - 18h30	15.000.000	20.000.000	25.000.000
Từ 19h00 - 22h30	20.000.000	25.000.000	30.000.000

Ghi chú:

- Nếu đơn vị thực hiện truyền hình trực tiếp và phát sinh phát thanh trực tiếp, đơn giá sẽ được cộng thêm 10 % giá dịch vụ của đơn giá truyền hình trực tiếp tại cùng thời điểm.

- Trong một số trường hợp đặc biệt khác, tùy theo tính chất, nội dung, kịch bản của từng chương trình cụ thể, đơn giá thực hiện THPT, tiếp sóng trực tiếp hoặc thu phát lại...sẽ do Giám đốc Đài quyết định tỷ lệ chiết khấu (tối đa không quá 50 %).

- Đơn giá trên chưa bao gồm chi phí thiết kế background và trang trí trong trường hợp thực hiện THPT; thu phát lại hoặc tọa đàm tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại phim trường của Đài.

- Quảng cáo trong chương trình tọa đàm tư vấn tuyển sinh trực tiếp thì tính thêm chi phí theo đơn giá tại thời điểm phát sóng và được chiết khấu 40%.

7. ĐƠN GIÁ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ, TUYÊN TRUYỀN:

Tùy theo nguồn kinh phí do ngân sách phân bổ cho khách hàng, hai bên sẽ thỏa thuận giá trị hợp đồng trên nguyên tắc thu đủ bù chi. Đài sẽ hỗ trợ một phần chi phí thực hiện và Giám đốc Đài quyết định mức giá thực hiện hợp đồng.

8. ĐƠN GIÁ THỰC HIỆN TIN, PHÓNG SỰ, TỰ GIỚI THIỆU, TVC QUẢNG CÁO:**ĐVT: đồng/phút**

STT	Thể loại	TL	Đơn giá	Ghi chú
1	Tin thường (gồm chi phí quay tin và 1 DVD làm CNPS; ngoài tỉnh cộng thêm chi phí phát sinh thực tế)	1 phút	7.000.000	Phát sóng 01 lần vào Thời sự tối
2	Tin có thu phát biểu (gồm chi phí quay tin và 1 DVD làm CNPS; ngoài tỉnh cộng thêm chi phí phát sinh thực tế)	1'30'' - 2'00	10.000.000 - 12.000.000	Phát sóng 01 lần vào Thời sự tối
3	Phóng sự thường (gồm 01 lần phát sóng)	Tối thiểu 5 phút	6.000.000	Ngoài tỉnh cộng thêm phí thực tế
4	Phóng sự tài liệu (đã bao gồm đồ họa 3D, thiết bị Effect, 01 lần phát sóng)	Từ 10 - 20 phút	7.000.000	
5	Phim tài liệu (đã bao gồm đồ họa 3D; biên tập, hậu kỳ và phát sóng 01 lần)	15 – 25 phút/tập	150.000.000 - 250.000.000	
		Từ tập thứ 3 trở lên giảm 20% trên giá chuẩn 01 tập		
6	Tư liệu tại BRVT (bao gồm biên tập, hậu kỳ)	1 phút	6.000.000	
7	Video clip tự giới thiệu sản phẩm, công nghệ, quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, về khả năng tài chính, quản lý, đầu tư...của doanh nghiệp (gồm biên tập, hậu kỳ; chưa gồm chi phí phát sóng)	1 phút	7.000.000	
8	TVC quảng cáo có kỹ xảo đồ họa (chưa gồm chi phí phát sóng)	15 – 30 giây	50.000.000 - 70.000.000	

9. ĐƠN GIÁ THỰC HIỆN CÁC DỊCH VỤ KHÁC:**ĐVT: đồng**

STT	Thể loại	TL	Đơn giá	Ghi chú
1	Thực hiện biên tập và đọc thuyết minh (đã gồm KTV dựng):			
	- Tin quảng bá	01 phút	1.500.000	
	- Phóng sự kinh tế, chuyên luận, tin nhanh...			

2	Thực hiện lồng nhạc, đọc thuyết minh, lồng tiếng quảng cáo:			
	- Quảng cáo, tự giới thiệu... (Nội địa)	01 phút	2.000.000	
	- Quảng cáo, tự giới thiệu... (Nước ngoài, liên doanh)		3.000.000	
3	Các dịch vụ khác :			
	- Dịch thuật, biên tập từ tiếng Việt sang tiếng Anh, Hoa...và ngược lại	01 phút	1.000.000	
	- Thuê MC dẫn chương trình, xuất hiện hình... (ngoài tỉnh cộng thêm chi phí và phương tiện đi lại cho MC)	giờ	2.000.000	
	- Quay tư liệu (không gồm biên tập, thuyết minh, KTV dựng)	giờ	1.500.000	
4	In sang tư liệu (đã phát trên sóng BRT- có Logo BRT) :			
	- Phóng sự ngắn (3 phút – 5 phút), chuyên mục (5 phút-10 phút)	phút	1.400.000	
	- Tư liệu tuyên truyền cho các ngành	phút	1.400.000	
	- Thông báo, tin nhanh (khai trương, hội nghị, khởi công...).	phút	1.000.000	Tối đa 03 phút
	- Các chương trình văn nghệ, GT khác (>15')	phút	800.000	Tối đa 30 phút
	In sang tư liệu (không có Logo BRT):			
	- Tư liệu mang giá trị lịch sử, tư liệu quý giá qua các thời kỳ từ Đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo ...	phút	20.000.000	Tối đa 5 phút
	- Tư liệu các cảnh quay áp dụng công nghệ cao như flycam, AI, Gimbo...	phút	7.000.000	
	- Tư liệu tuyên truyền cho các ngành	phút	3.000.000	
	- Tư liệu hình ảnh, video các buổi thăm và làm việc của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các nguyên lãnh đạo Tỉnh qua các thời kỳ phải có văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh.	Cơ quan , đơn vị, địa phương có văn bản gửi Đài, tùy thuộc vào tình hình thực tế đơn giá này sẽ do Giám đốc quyết định		
	- Các tư liệu mang yếu quốc phòng, an ninh ... phải có văn bản đồng ý của lãnh đạo các ngành chức năng.			
5	Các dịch vụ khác:			
	- Logo sân khấu (Các chương trình định kỳ)	kỳ	10.000.000	
	- Logo sân khấu (Các chương trình lễ, trực tiếp)	kỳ	25.000.000	
	- Bật góc (10"/lần)	kỳ	1.000.000	
	- Logo xoay dưới chân màn hình (tỷ lệ 1/8) được tính bằng 01 TVC 5” tại thời điểm phát sóng			

Tel: 028 6282 5186 Hotline: 0937.231.258
Email: booking@bookingquangcao.com.v